TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 704/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-11-2019
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Thủy.
2. Bà Cù Thị Phương Trang.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 456/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 218/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1968.
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.
Bị đơn: Bà Châu Thị K, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận 10, Tp.Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 gửi đến Tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Ông và bà Châu Thị K có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 10 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97 ngày 25/9/1997. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp, và đến năm 2017, ông đã sống ly thân với bà K do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không khắc phục được.

Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung, Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 04/12/1998 và Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/12/2001. Bà K là người trực tiếp nuôi trẻ Chí T.

Về cấp dưỡng: Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có.

Bị đơn – bà Châu Thị K vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai tại Tòa án.

Trẻ Nguyễn Chí T có trình bày nguyện vọng: Trẻ mong muốn được ở với bà K.

Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 10 xác minh tình trạng hôn nhân của ông L và bà K như sau: Nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn của ông, bà là do bất đồng quan điểm, lối sống.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tại phiên toà thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông L yêu cầu được ly hôn là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình, bị đơn – bà Châu Thị K có cư trú tại Phường B, Quận 10 tại thời điểm Tòa thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn - ông L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà K.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 01/97 ngày 25/9/1997, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà K là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Qua phần trình bày của ông L và xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 10, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ông L và bà K trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bà K không đến Tòa để trình bày quan điểm của bà đối với yêu cầu ly hôn của ông L, cũng như đưa ra các chứng cứ chứng minh khác phản bác ý kiến của ông L. Qua đó đã cho thấy bà K không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông L. Ngoài ra, kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 10 cũng phù hợp với lời khai của ông L. Xét vì mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của ông L được chấp nhận.

[5] Về con chung: Ông và bà K có 02 con chung. Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 04/12/1998 đã thành niên, nên Tòa án không xem xét về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trẻ Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/12/2001 hiện ở cùng với bà K, có trình bày nguyện vọng muốn ở với mẹ và ông L đồng ý cho bà K trực tiếp nuôi trẻ Chí T nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà K là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Chí T.

[6] Về cấp dưỡng: Ông L trình bày ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L được ly hôn với bà Châu Thị K.

- Về con chung: Ông L và bà K có 02 con chung, Nguyễn Thị Kim P, sinh ngày 04/12/1998 (đã thành niên) và trẻ Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/12/2001. Giao trẻ Nguyễn Chí T cho bà K người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà K.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng: Ông và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông L chịu. Ông L đã nộp theo theo biên lai thu tiền số 0017571 ngày 10/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường B, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mỹ Phương